TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: 7KE0100

Tên học phần: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

Mã nhóm lớp học phần: Hệ thống thông tin kế toán - 213\_7KE0100\_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 90

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Đề thi bao gồm 20 câu trắc nghiệm và phần tự luận với ba yêu cầu**

**Cách thức nộp bài phần tự luận:**

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi; hoặc

- Upload file bài làm (word, pdf, …); hoặc

- Upload hình ảnh bài làm (chỉ áp dụng cho những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức   
tính toán đặc biệt).

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

1. Báo cáo trong chu trình doanh thu bao gồm:

**A.** Báo cáo hoạt động kinh doanh hoặc Báo cáo quản lý các nguồn lực, đối tượng tham gia

**B.** Báo cáo quản lý các nguồn lực, đối tượng tham gia

**C.** Báo cáo hoạt động kinh doanh

**D.** Không phải Báo cáo hoạt động kinh doanh và Báo cáo quản lý các nguồn lực, đối tượng tham gia

ANSWER: A

2. Báo cáo hoạt động kinh doanh trong chu trình doanh thu bao gồm:

**A.** Bảng kê hoạt động kinh doanh, Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh

**B.** Bảng kê / danh mục các đối tượng, nguồn lực, Báo cáo tình trạng các đối tượng, nguồn lực

**C.** Cả Bảng kê hoạt động kinh doanh, Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh và Bảng kê / danh mục các đối tượng, nguồn lực, Báo cáo tình trạng các đối tượng, nguồn lực đều đúng

**D.** Không phải Bảng kê hoạt động kinh doanh, Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh và Bảng kê / danh mục các đối tượng, nguồn lực, Báo cáo tình trạng các đối tượng, nguồn lực

ANSWER: A

3. Báo cáo quản lý các nguồn lực, đối tượng tham gia trong chu trình doanh thu bao gồm:

**A.** Bảng kê / danh mục các đối tượng, nguồn lực, Báo cáo tình trạng các đối tượng, nguồn lực

**B.** Bảng kê hoạt động kinh doanh, Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh

**C.** Cả Bảng kê hoạt động kinh doanh, Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh và Bảng kê / danh mục các đối tượng, nguồn lực, Báo cáo tình trạng các đối tượng, nguồn lực đều đúng

**D.** Không phải Bảng kê hoạt động kinh doanh, Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh và Bảng kê / danh mục các đối tượng, nguồn lực, Báo cáo tình trạng các đối tượng, nguồn lực

ANSWER: A

4. Báo cáo phân tích hoạt động xuất kho theo từng mặt hàng là:

**A.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo nguồn lực

**B.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo đối tượng

**C.** Báo cáo tình trạng đối tượng

**D.** Báo cáo tình trạng nguồn lực

ANSWER: A

5. Báo cáo phân tích hoạt động xuất kho theo từng khách hàng là:

**A.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo đối tượng

**B.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo nguồn lực

**C.** Báo cáo tình trạng đối tượng

**D.** Báo cáo tình trạng nguồn lực

ANSWER: A

6. Báo cáo tình trạng nợ của khách hàng là:

**A.** Báo cáo tình trạng đối tượng

**B.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo nguồn lực

**C.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo đối tượng

**D.** Báo cáo tình trạng nguồn lực

ANSWER: A

7. Báo cáo tồn kho từng mặt hàng là:

**A.** Báo cáo tình trạng nguồn lực

**B.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo nguồn lực

**C.** Báo cáo tình trạng đối tượng

**D.** Báo cáo phân tích các hoạt động kinh doanh theo đối tượng

ANSWER: A

8. Trong chu trình doanh thu, việc xem xét khả năng tín dụng của khách hàng diễn ra ở giai đoạn:

**A.** Nhận đặt hàng

**B.** Xuất kho, cung ứng hàng hóa dịch vụ

**C.** Thu tiền

**D.** Lập hóa đơn, theo dõi công nợ

ANSWER: A

9. Trong chu trình doanh thu, rủi ro bán chịu cho khách hàng không có khả năng thanh toán xảy ra ở giai đoạn:

**A.** Nhận đặt hàng

**B.** Xuất kho, cung ứng hàng hóa dịch vụ

**C.** Thu tiền

**D.** Lập hóa đơn, theo dõi công nợ

ANSWER: D

10. Trong chu trình doanh thu, ở giai đoạn Nhận đặt hàng có những rủi ro:

**A.** Khách hàng không đảm bảo tính pháp lý hoặc Không có khả năng thực hiện đơn hàng đã nhận

**B.** Không có khả năng thực hiện đơn hàng đã nhận

**C.** Khách hàng không đảm bảo tính pháp lý

**D.** Không phải Khách hàng không đảm bảo tính pháp lý và Không có khả năng thực hiện đơn hàng đã nhận

ANSWER: A

11. Trong chu trình doanh thu, việc giao hàng sai số lượng, địa chỉ, thời gian, và mất hàng trong quá trình xuất kho giao hàng xảy ra ở giai đoạn:

**A.** Xuất kho, cung ứng hàng hóa dịch vụ

**B.** Nhận đặt hàng

**C.** Cả Nhận đặt hàng và Xuất kho, cung ứng hàng hóa dịch vụ đều đúng

**D.** Không phải Nhận đặt hàng và Xuất kho, cung ứng hàng hóa dịch vụ

ANSWER: A

12. Trong chu trình doanh thu, ở giai đoạn Lập hóa đơn, theo dõi công nợ có những rủi ro:

**A.** Lập khống hóa đơn, lập sai hóa đơn hoặc Chuyển dữ liệu công nợ sai, không kịp thời

**B.** Chuyển dữ liệu công nợ sai, không kịp thời

**C.** Lập khống hóa đơn, lập sai hóa đơn

**D.** Không phải Lập khống hóa đơn, lập sai hóa đơn và Chuyển dữ liệu công nợ sai, không kịp thời

ANSWER: A

13. Phát biểu nào sau đây SAI:

**A.** Lập khống hóa đơn và lập sai hóa đơn đều là hành vi cố ý

**B.** Hóa đơn ma là hóa đơn không hợp pháp do không được Bộ Tài Chính công nhận

**C.** Cả Hóa đơn khống là hóa đơn hợp pháp nhưng không hợp lệ do không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà lại có hóa đơn và Hóa đơn ma là hóa đơn không hợp pháp do không được Bộ Tài Chính công nhận

**D.** Hóa đơn khống là hóa đơn hợp pháp nhưng không hợp lệ do không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà lại có hóa đơn

ANSWER: A

14. Trong chu trình doanh thu, ở giai đoạn Thu tiền có những rủi ro:

**A.** Thất thoát tiền

**B.** Gian lận công nợ

**C.** Cả Thất thoát tiền và Gian lận công nợ đều đúng

**D.** Không phải Thất thoát tiền và Gian lận công nợ

ANSWER: A

15. Việc kiểm soát việc truy cập, sử dụng dữ liệu, thông tin, báo cáo trong chu trình doanh thu chính là:

**A.** Kiểm soát chung

**B.** Kiểm soát nhập liệu

**C.** Cả Kiểm soát chung và Kiểm soát nhập liệđều đúng

**D.** Không phải Kiểm soát chung và Kiểm soát nhập liệ

ANSWER: A

16. Kiểm soát nhằm đảm bảo các hoạt động được diễn ra theo trình tự hợp lý chính là:

**A.** Kiểm soát xử lý và kết quả xử lý

**B.** Kiểm soát nhập liệu

**C.** Kiểm soát chung

**D.** Kiểm soát báo cáo

ANSWER: A

17. Kiểm soát hệ thống thông tin trong chu trình doanh thu KHÔNG bao gồm:

**A.** Kiểm soát báo cáo

**B.** Kiểm soát nhập liệu

**C.** Kiểm soát xử lý và kết quả xử lý

**D.** Kiểm soát chung

ANSWER: A

18. Trong chu trình chi phí, chứng từ Hợp đồng mua bán phát sinh trong giai đoạn:

**A.** Đặt hàng nhà cung cấp

**B.** Nhận hàng từ nhà cung cấp

**C.** Cả Đặt hàng nhà cung cấp và Nhận hàng từ nhà cung cấp đều đúng

**D.** Không phải Đặt hàng nhà cung cấp và Nhận hàng từ nhà cung cấp

ANSWER: A

19. Trong chu trình chi phí, các chứng từ: Báo cáo nhận hàng, Phiếu đóng gói hàng phát sinh trong giai đoạn:

**A.** Nhận hàng từ nhà cung cấp

**B.** Chấp nhận hóa đơn và ghi nhận nợ phải trả

**C.** Cả Chấp nhận hóa đơn và ghi nhận nợ phải trả và Nhận hàng từ nhà cung cấp đều đúng

**D.** Không phải Chấp nhận hóa đơn và ghi nhận nợ phải trả và Nhận hàng từ nhà cung cấp

ANSWER: A

20. Trong chu trình chi phí, Chứng từ thanh toán phát sinh trong giai đoạn:

**A.** Chấp nhận hóa đơn hoặc ghi nhận nợ phải trả và Thanh toán

**B.** Thanh toán

**C.** Chấp nhận hóa đơn và ghi nhận nợ phải trả

**D.** Không phải Chấp nhận hóa đơn và ghi nhận nợ phải trả và Thanh toán

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

Công ty ABC sử dụng máy quết vân tay để chấm công. Hàng ngày, nhân viên đi làm quét vân tay để chấm công, dữ liệu sẽ chạy vào máy tính đặt ở bộ phận kế toán lương. Cuối tháng, kế toán lương vào phần mềm lấy dữ liệu chấm công để xử lý. Kế toán lương lưu thành 2 file, 1 file tại bộ phận, 1 file chuyển cho kế toán trưởng. Dựa vào file đã có, kế toán lương lập bảng chấm công, từ bảng chấm công, kế toán lương lập thành bảng lương và bảng tổng hợp tiền lương. Từ bảng lương và bảng tổng hợp tiền lương, kế toán lập bảng thanh toán tiền lương, tiền thưởng và các khoản phải nộp. Kế toán lương in bảng lương, bảng tổng hợp tiền lương, bảng thanh toán lương (mỗi bảng 3 liên), rồi gởi tất cả cho kế toán trưởng. Kế toán trưởng kiểm tra giữa chứng từ và file, nếu thấy không hợp lý kế toán trưởng sẽ gửi lại tất cả chứng từ cho kế toán tiền lương. Nếu hợp lý, kế toán trưởng ký vào các chứng từ và gửi lại cho bộ phận kế toán lương (bao gồm 1 bảng tổng hợp tiền lương, 1 bảng lương, 1 bảng thanh toán tiền lương), kế toán lưu lại 1 bản và 1 bản còn lại chuyển cho kế toán ngân hàng để lập ủy nhiệm chi gửi ngân hàng, lập danh sách chuyển khoản gửi cho ngân hàng.

Câu 1 (2 điểm): Vẽ Sơ đồ dòng dữ liệu cấp 1 của quy trình trên tại công ty ABC.

**Đáp án Câu 1:**

KẾ TOÁN LƯƠNG

NGÂN HÀNG

BL, BTHTL, BTTL

BL, BTHTL, BTTL

BL, BTHTL, BTTL

Danh sách chuyển khoản, UNC

Câu 2 (3 điểm): Vẽ Lưu đồ chứng từ của quy trình trên tại công ty ABC

**Đáp án Câu 2:**

*Xem phụ lục đính kèm*

Câu 3 (1 điểm): Dựa vào quy trình, hãy đánh giá và nhận xét về các rủi ro có thể và đề xuất biện pháp khắc phục.

**Đáp án Câu 3:**

**Rủi ro**:

* Quy trình chưa thể hiện rõ trong trường hợp kế toán trưởng không chấp nhận, kế toán lương tiếp tục xử lý như thế nào.
* Kế toán trưởng lưu chứng từ không cụ thể (theo đối tượng)
* Kế toán trưởng gởi lại một bản cho kế toán lương và 1 bảng cho kế toán tổng hợp mà chưa ghi rõ số liên.
* Kế toán lương không thể hiện việc lưu chứng từ tại bộ phận như thế nào
* Kế toán ngân hàng không thể hiện việc lưu chứng từ tại bộ phận như thế nào.

**Biện pháp** **gợi ý**:

* Quy trình cần tiếp tục hoàn thiện trong trường hợp kế toán trưởng không ký duyệt.
* Kế toán trưởng phải lưu chứng từ tại bộ phận theo ngày và xác định rõ gởi liên nào cho kế toán lương và kế toán ngân hàng
* Kế toán lương và kế toán ngân hàng phải lưu chứng từ bộ phận tại theo cách thức cụ thể (theo ngày)

*Ngày biên soạn: 30/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi:**

Nguyễn Hữu Thiện

*Ngày kiểm duyệt: 01/07/2022*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

**Phụ lục đáp án câu 2**

